**Tiết 45,46,47,48: Đọc văn CHỦ ĐỀ: KÍ**

|  |
| --- |
| ***KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ***  ***Xác định chủ đề:***  - Chủ đề bài học: kí Việt Nam hiện đại  - Vấn đề cần giải quyết: nội dung, nghệ thuật của hai đoạn trích *Người lái đò sông Đà; Ai đã đặt tên cho dòng sông?*; Đặc trưng và cách tiếp nhận thể kí.  - Văn bản tìm hiểu: *Người lái đò sông Đà; Ai đã đặt tên cho dòng sông?*  ***Thực hiện chủ đề:***  *-Thực hiện trong 02 tuần.*  *-Số tiết thực hiện trên lớp: 04 tiết tại lớp: 12A3*  *+1,5 tiết: Người lái đò sông Đà (Trích)*  *+1,5 tiết: Ai đã đặt tên cho dòng sông? (Trích)-Đọc thêm: – Những ngày đầu tiên của nước Việt Nam mới*  *+1 tiết: Tìm hiểu thể kí: so sánh hai tác phẩm để tìm hiểu đặc trưng và cách tiếp nhận thể kí.*  *(****Phần Tiến trình bài dạy chỉ trình bày tiết cuối-tiết 48)*** |

**I. XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU BÀI HỌC**

1. **Kiến thức: Giúp học sinh:**

- Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của các đoạn trích tác phẩm kí (*Người lái đò Sông Đà*-Nguyễn Tuân, *Ai đã đặt tên cho dòng sông* ?-Hoàng Phủ Ngọc Tường: vẻ đẹp và sức hấp dẫn của cuộc sống, con người và quê hương qua những trang viết chân thực, đa dạng, hấp dẫn.

- Hiểu một số đặc điểm và sự đóng góp của thể loại kí Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX.

- Hiểu đặc trưng phản ánh hiện thực đời sống của thể loại kí : chân thực, đa dạng, phong phú.

**2. Kĩ năng Giúp học sinh:**

- Biết cách đọc – hiểu một tác phẩm kí hiện đại Việt Nam theo đặc trưng thê loại.

- Biết vận dụng những hiểu biết trên vào việc làm bài văn nghị luận văn học.

- Nhận ra được đề tài, chủ đề, cảm hứng thẩm mĩ, vẻ đẹp hình tượng, các biện pháp nghệ thuật của các trích đoạn kí.

**3. Thái độ Giúp học sinh:**

- Nhận thức được ý nghĩa của kí  hiện đại Việt Nam trong lích sử văn học dân tộc.

- Biết trân quý những giá trị văn hóa truyền thống mà kí hiện đại đem lại.

- Có ý thức tìm tòi về thể loại, từ ngữ, hình ảnh trong kí hiện đại Việt Nam .

- Giáo dục ý thức bảo vệ môi trường thiên nhiên và ca ngợi người lao động.

- Giáo dục tình yêu quê hương, đất nước.

- Tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

1. **Định hướng phát triển năng lực cho học sinh:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến kí hiện đại Việt Nam.

- Năng lực đọc-hiểu  các tác phẩm kí hiện đại Việt Nam.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về kí văn học.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu, hạn chế, những đặc điểm cơ bản, giá trị của những tác phẩm kí văn học .

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm của các thể loại tuỳ bút-bút kí-hồi kí.

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

- Năng lực cảm thụ thẩm mỹ, năng lực tự học.

- Năng lực giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.

**II. XÂY DỰNG BẢNG MÔ TẢ MỨC ĐỘ CÂU HỎI/BÀI TẬP**

***BẢNG MÔ TẢ CÁC MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ CHỦ ĐỀ KÍ THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Nội dung*** | ***Nhận biết*** | ***Thông hiểu*** | ***Vận dụng*** | |
| ***Vận dụng thấp*** | ***Vận dụng cao*** |
| 1- Về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm | HS nhận biết, nhớ được tên tác giả và hoàn cảnh ra đời của các tác phẩm. | HS hiểu và lí giải đợc hoàn cảnh sáng tác có tác động và chi phối như thế nào tới nội dung tư tưởng của tác phẩm. | Khái quát được đặc điểm phong cách tác giả từ tác phẩm. | Vận dụng hiểu biết về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm để phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm kí.  So sánh phong cách của các tác giả. |
| 2- Thể loại | HS nhận biết đặc điểm chung thể loại kí | HS hiểu bản chất thể kí | HS biết nhận diện sự việc chính trong kí. | Biết vận dụng đặc điểm thể loại kí ghi chép lại các sự việc đã chứng kiến hoặc trải qua. |
| 3- Đề tài, chủ đề, cảm xúc chủ đạo | HS nhận biết được đề tài các tác phẩm kí Việt Nam hiện đại đã học. | HS hiểu được chủ đề, và cảm nhận được cảm xúc chủ đạo của các tác phẩm kí Việt Nam hiện đại đã học | HS vận dụng, lựa chọn được các đề tài gần gũi trong cuộc sống để  ghi chép | HS biết hệ thống, xâu chuỗi các tác phẩm cùng đề tài chủ đề để khái quát nên một vấn đề chung |
| 4- Ý nghĩa nội dung các tác phẩm | HS nhận biết và ghi nhớ được những hình ảnh, chi tiết tiêu biểu đặc sắc trong các tác phẩm kí Việt Nam hiện đại đã học. | HS hiểu được ý nghĩa, sự lô-gic giữa các sự việc.  HS hiểu được ý nghĩa các chi tiết, các hình ảnh, tiêu biểu đặc sắc trong các tác phẩm kí Việt Nam hiện đại đã học. | HS cảm nhận được ý nghĩa của một số hình ảnh, chi tiết tiêu biểu đặc sắc trong các tác phẩm kí Việt Nam hiện đại đã học. | HS viết được đoạn văn hoàn chỉnh bộc lộ cảm nhận của bản thân về ý nghĩa một số hình ảnh, chi tiết tiêu biểu đặc sắc trong các tác phẩm kí Việt Nam hiện đại đã học.  Từ ý nghĩa nội dung các tác phẩm, HS biết liên hệ, rút ra những bài học sâu sắc cho bản thân, biết điều chỉnh những suy nghĩ, hành vi của bản thân để hoàn thiện mình.  HS biết so sánh ý nghĩa nội dung, tư tưởng của các tác phẩm.  HS tiếp nhận được các tác phẩm kí ngoài SGK |
| 5- Giá trị nghệ thuật (Những chi tiết, hình ảnh, biện pháp tu từ…) | HS nhận diện được  trình tự ghi chép sự việc trong kí.    HS nhận ra được những biện pháp tu từ được sử dụng trong các tác phẩm. | HS hiểu được tác dụng, hiệu quả nghệ thuật của trình tự ghi chép các sự việc trong kí.    HS hiểu được tác dụng của các BPTT. | HS biết trình bày cảm nhận về giá trị nghệ thuật của những chi tiết, hình ảnh, biện pháp tu từ… | HS biết vận dụng  ghi chép dạng thể kí, hồi kí trong đó có sử dụng các biện pháp tu từ, kết hợp tự sự với miêu tả, biểu cảm, vận dụng các hình ảnh chi tiết của các nhà văn một cách hợp lí. |

**III. CHUẨN BỊ**

1. **Học sinh**

- Sách giáo khoa lớp 12, tập 1; vở soạn;

-Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài.

-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước).

-Đồ dùng học tập.

1. **Giáo viên**

- Kế hoạch dạy học (giáo án điện tử), SGK Ngữ văn 12, tập 1, Chuẩn KTKN Ngữ văn 12.

-Phiếu thảo luận, trả lời câu hỏi

-Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh về *Sông Đà, Sông Hương*.

**IV. PHƯƠNG PHÁP- KĨ THUẬT DẠY HỌC**

- Hướng dẫn HS tiếp cận và khám phá tác phẩm qua phát vấn, câu hỏi gợi mở, câu hỏi đặt vấn đề.

- Kết hợp với hình thức thảo luận nhóm, thực hành tại lớp.

**V. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

***\* Hoạt động1-*** [***KHỞI ĐỘNG***](http://../Downloads/b%C3%A0i%20gi%E1%BA%A3ng%20t%C3%B4i%20y%C3%AAu%20em-minhhoa.pptx) **(Có giáo án Power Point) (5 phút)**

***\* Hoạt động 2- HÌNH THÀNH KIẾN THỨC***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **T.G** | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung bài giảng** | **Định hướng năng lực** |
| **5 phút**  **8 phút**  **7 phút**  **5 phút**  **5 phút** | **TT1: Tìm hiểu chung về thể loại Kí**  **-**GV tổ chức cho HS nhớ lại những tác phẩm kí đã học và đọc thêm   ? Thế nào là thể loại kí? Kể tên một số tác phẩm kí đã học hoặc đọc thêm?  *GV hệ thống lại khái niệm của thể kí.*  -HS kể tên các tác phẩm kí đã học hoặc đọc thêm.  GV giảng thêm.  +Kí sự: ghi lại những sự việc, con người có thật, thiên về kể, ít bộc lộ cái tôi  +Bút kí: Ghi lại sự việc, con người cùng với những cảm nghĩ của mình nhằm thể hiện một tư tưởng nào đó. Đây là thể loại trung gian giữa kí sự và tùy bút  **+** Tùy bút: Nét nổi bật ở tuỳ bút là tính chủ quan, chất trữ tình rất đậm. Lối viết phóng khoáng, tự do hơn so với bút kí  -HS lắng nghe, ghi chép.  **TT2: So sánh hai tác phẩm** *Người lái đò Sông Đà*-Nguyễn Tuân, *Ai đã đặt tên cho dòng sông* ?-Hoàng Phủ Ngọc Tường  *GV phát phiếu học tập số 1. Chia lớp thành 2 nhóm.*  *Nhóm 1: so sánh sự tương đồng*  *Nhóm 2: So sánh sự khác biệt*  *Yêu cầu học sinh thảo luận theo bàn.*  HS thảo luận, trình bày về sự tương đồng, khác biệt về hình tượng dòng sông ở hai bài kí.  *HS phát biểu, GV giảng giải thêm.*  - Ở sông Đà:  + Nguyễn Tuân chú ý đến vẻ đẹp khác thường dữ dằn của Sông Đà vì thế tác giả tập trung miêu tả thạch trận thác nước sóng dữ trong cuộc giao chiến với con người.  - Đặc biệt, tác giả miêu tả sự hung bạo của sông Đà để làm nổi bật sự tài hoa, tài trí của người lái đò. Lúc này đây, sông Đà như một chiến địa dữ dội. Và mỗi lần vượt thác của người lái đò là mỗi lần ông phải chiến đấu với thần sông, thần đá…  -Vẻ đẹp Sông Đà gắn liền với lịch sử, tâm hồn, văn hóa của miền đất Tây Bắc hoang dại, dữ dội, nguyên sơ.  - Ở sông Hương:  + Sông Hương được tô đậm ở nét đẹp trữ tình, thơ mộng, gợi cảm và nữ tính, luôn mang dáng vẻ của một người con gái xinh đẹp, mong manh, có tình yêu say đắm.  - Sông Hương được miêu tả qua chiều sâu văn hóa xứ Huế: như người mẹ phù sa bồi đắp cho vùng đất giàu truyền thống văn hóa này từ bao đời nay.  - Sông Hương được cảm nhận qua lăng kính của tình yêu: thủy trình của sông Hương là hành trình tìm kiếm người tình mong đợi của nó-thành phố Huế.  - Thông qua hình tượng sông Hương mang nét đẹp nữ tính, nhà văn khám phá nét đẹp lãng mạn, trữ tình, cổ kính, đậm bản sắc văn hóa của cố đô Huế.  *GV phát phiếu học tập số 2. Chia lớp thành 2 nhóm.*  *Nhóm 1: so sánh sự tương đồng*  *Nhóm 2: So sánh sự khác biệt*  *Yêu cầu học sinh thảo luận theo bàn.*  HS thảo luận, trình bày về sự tương đồng, khác biệt về cái tôi trữ tình trong hai bài kí.  *HS phát biểu, GV giảng giải thêm.*  **TT3: GV hướng dẫn học sinh rút ra đặc trưng của thể kí**  **?**Từ việc so sánh trên, em hãy nêu ra đặc trưng của thể kí?  HS trả lời, GV chốt ý.  Người viết kí thường quan tâm, tôn trọng những sự kiện xã hội lịch sử, những vấn đề nóng bỏng đang đặt ra trong đời sống, miêu tả thực tại theo tinh thần của sử học. Mẫu hình tác giả kí gần gũi với nhà sử học. Tác giả kí coi trọng việc thuật lại có ngọn ngành, có thời gian, địa điểm, hành động, và không bao giờ quên miêu tả khung cảnh, gợi không khí.  Đan xen vào mạch tự sự còn có những đoạn thể hiện suy tưởng nhận xét chân thực, tinh tường của nhà văn trước sự việc. Cái thú vị của kí là ở những ý riêng, suy nghĩ riêng của tác giả được đan cài với việc tái hiện đối tượng.Vì vậy, sức hấp dẫn của kí chính là ở khả năng tái hiện sự thật một cách sinh động của tác giả. Kí ít chấp nhận sự hư cấu, do đó phải dựa vào những liên tưởng, tưởng tượng bất ngờ, tài hoa của tác giả khi phản ánh sự vật, cuộc sống. Điều ấy làm nên cái hay cái đẹp của một tác phẩm kí.  **TT4: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu cách tiếp nhận thể kí.**  ? Theo em, khi tiếp nhận thể kí chúng ta cần lưu ý điều gì?  HS trả lời, GV chốt ý. | 1. **Khái niệm**  *-Kí: thể loại văn tự sự viết về người thật, việc thật, có tính chất thời sự, trung thành với hiện thực đến mức cao nhất.* (http://tratu.soha.vn)  -Kí bao gồm nhiều thể như: bút kí, hồi kí, du kí, phóng sự, kí sự, nhật kí, tuỳ bút, …  -Ví dụ:  +Thượng kinh *kí sự*-Lê Hữu Trác  +Những ngày thơ ấu (Hồi kí)-Nguyên Hồng  +Nhật kí Đặng Thùy Trâm  +Cơm thầy cơm cô(Phóng sự)-Vũ Trọng Phụng…  +Ngọn núi ảo ảnh (Bút kí-HPNT)  **II. So sánh hai tác phẩm** *Người lái đò Sông Đà*-Nguyễn Tuân, *Ai đã đặt tên cho dòng sông* ?-Hoàng Phủ Ngọc Tường  **1. Hình tượng dòng sông qua hai tác phẩm**  **a. Tương đồng**  - Vẻ đẹp: Hoang dại, dữ dội và trữ tình, thơ mộng.  -Cách miêu tả: Được khám phá dưới cái nhìn đa chiều (lịch sử, địa lí, kiến thức đa ngành…), cảm nhận trên phương diện thẩm mĩ.  ->Vẻ đẹp những miền đất của Tổ quốc->tình yêu quê hương, đất nước.  **b. Khác biệt**  **\*Sông Đà:**  -Nhấn mạnh vẻ đẹp dữ dội, hung bạo, kẻ thù số một của con người  -Cách miêu tả: Tập trung miêu tả thạch trận trên sông -> sức mạnh của thiên nhiên. Được cảm nhận như một con thủy quái hung ác, như cô gái yêu kiều, như cố nhân  -Ý nghĩa: làm nổi bật vẻ đẹp hoang dại, nguyên sơ của vùng đất Tây Bắc ->Làm nổi bật sự tài hoa, dũng cảm, mưu trí của người lái đò-> Chất vàng mười Tây Bắc.  \*Sông Hương:  - Nhấn mạnh vẻ đẹp thơ mộng, trữ tình, gợi cảm, nữ tính.  -Cách miêu tả: Được miêu tả qua chiều sâu văn hóa xứ Huế, trong mối quan hệ với lịch sử, âm nhạc, thi ca....;Cảm nhận qua lăng kính tình yêu  - Ý nghĩa: Vẻ đẹp trữ tình, cổ kính, đậm bản sắc văn hóa của xứ Huế.  *->Sông Đà và sông Hương đều được các tác giả miêu tả như một nhân vật trữ tình có tính cách với những vẻ đẹp đặc trưng riêng biệt, thể hiện tình yêu thiên nhiên, tình yêu quê hương, đất nước.*   1. **Cái tôi trữ tình trong hai bài kí**   *Cái tôi trữ tình: là sự hóa thân của tác giả trong tác phẩm để bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ, là cách thể hiện phong cách sáng tác của mỗi nhà văn.*  **a. Sự tương đồng**  -Điểm gặp nhau giữa Nguyễn Tuân và Hoàng Phủ Ngọc Tường: Đi tìm cái đẹp và thể hiện cái đẹp bằng ngòi bút tài hoa, độc đáo, sự hiểu biết và vận dụng các lĩnh vực kiến thức dồi dào.  -Sự quan sát tinh tế, trí liên tưởng tưởng tượng phong phú.  -Qua hai đoạn trích, tác giả thể hiện sự gắn bó, lòng yêu mến quê hương, đất nước.  **b. Sự khác biệt**  **\*Nguyễn Tuân:**  -Nhà văn nhìn cảnh vật và con người thiên về phương diện cái đẹp khác thường, miêu tả những cảm giác mạnh.  -Giọng điệu sắc sảo, sử dụng ngôn ngữ cầu kì, góc cạnh, hoa mỹ, câu văn co duỗi nhịp nhàng.  -Qua vẻ đẹp của dòng sông-> ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên, ca ngợi con người lao động - chất vàng mười của vùng Tây bắc.  ->Cảm hứng ngợi ca đầy say mê của một con người yêu thiết tha vẻ đẹp của thiên nhiên, đất nước->cái tôi hòa nhập với cuộc sống của nhân dân (sự thay đổi so với trước cách mạng tháng Tám)  ***->cái tôi cá tính, tài hoa-kiêu bạc.***  **\*Hoàng Phủ Ngọc Tường:**  -Nhà văn khám phá vẻ đẹp của đối tượng trữ tình ở góc nhìn tinh tế, hướng nội, cái đẹp tao nhã, gắn liền với sự chiêm nghiệm và suy tư.  -Giọng điệu thủ thỉ, tâm tình, say đắm, giàu cảm xúc, ngôn ngữ đằm thắm, đậm chất thơ.  -Việc đi tìm cội nguồn của tên gọi sông Hương chỉ là cái cớ rất nên thơ để men theo đó, Hoàng Phủ Ngọc Tưởng mở ra vẻ đẹp muôn sắc màu của Hương giang, thậm chí nhuốm màu huyền thoại, đồng thời mở ra tâm hồn mình: một người am hiểu về thiên nhiên, lịch sử, văn hóa xứ Huế và cũng là người yêu tha thiết mảnh đất cố đô này.  *-> Cái tôi trí thức tài hoa-sâu lắng, hướng nội, phù hợp với việc thể hiện vẻ đẹp của sông Hương, kinh thành Huế.*  ***->Sức hấp dẫn của kí chính là ở khả năng tái hiện sự thật một cách sinh động qua cái nhìn của tác giả. Hình bóng cái tôi tác giả luôn hiển hiện trong mỗi bài kí. Nếu chỉ đơn thuần là ghi chép thì tác phẩm kí sẽ khô khan, không gây được ấn tượng, hấp dẫn đối với người đọc***   1. **Đặc trưng của thể kí**   **1. Đề tài: Kí viết về cuộc đời thực tại, viết về người thật, việc thật, kí đòi hỏi sự trung thực, chính xác.** **Tác giả kí khéo léo sử dụng tư liệu đời sống kết hợp với tưởng tượng, cảm thụ, nhận xét, đánh giá**, **miêu tả khung cảnh, gợi không khí.**  **2.** **Nổi bật lên trong tác phẩm kí chính là tính chủ quan, chất trữ tình sâu đậm của cái tôi tác giả.** Cho nên, sức hấp dẫn của kí còn phụ thuộc vào sức hấp dẫn của cái tôi ấy (thường là những cái tôi phong phú, uyên bác, tài hoa, độc đáo…).  **3. Về nghệ thuật:**  -Kết cấu phóng túng theo mạch cảm xúc của cái tôi trữ tình  -Ngôn ngữ phong phú, giàu hình ảnh, giàu liên tưởng  -Giọng điệu đa dạng,linh hoạt.  **IV. Cách tiếp nhận thể kí**  -Tìm hiểu về tác giả, chú ý đến đặc điểm sáng tác của tác giả, tìm hiểu tác phẩm, hoàn cảnh ra đời…  -Vận dụng kiến thức về lịch sử, địa lí, văn hóa…để cảm nhận đối tượng miêu tả một cách đa diện, nhiều chiều…  - Cảm nhận cách thủ pháp, biện pháp nghệ thuật, cách liên tưởng, tưởng tượng độc đáo của nhà văn để khám phá sự thú vị, mới mẻ trong sự việc, hình tượng được miêu tả.  - Đánh giá cái tôi trữ tình của tác giả (cảm xúc, tình cảm, suy nghĩ, tư tưởng…), từ đó thấy được phong cách viết kí của mỗi nhà văn)  - Đánh giá giá trị nghệ thuật và nội dung của tác phẩm. | Năng lực ghi nhớ, tái hiện kiến thức  Năng lực phân tích, lý giải vấn đề  Năng lực cảm thụ thẩm mỹ  Năng lực hợp tác, giao tiếp bằng tiếng Việt  Năng lực phân tích, lý giải vấn đề  Năng lực cảm thụ thẩm mỹ  Năng lực hợp tác, giao tiếp bằng tiếng Việt  Năng lực đánh giá, tổng hợp  Năng lực phân tích, lý giải vấn đề  Năng lực đánh giá, tổng hợp |

\***Hoạt động 3: Luyện tập**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **T.G** | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung bài giảng** | **Định hướng năng lực** |
| **2 phút** | **TT5: Luyện tập qua các bài tập trắc nghiệm**  1. Điểm chung trong phong cách viết kí của hai nhà văn:  A. Giọng điệu nhẹ nhàng, sâu lắng, tha thiết, êm đềm.  B. Đều viết về vẻ đẹp của con sông quê hương mình.  c. Ngôn ngữ góc cạnh, co duỗi nhịp nhàng.  D. Sự tài hoa, uyên bác, vận dụng kiến thức đa ngành.  2. Đâu không phải là đặc trưng của thể kí:  A. Viết về người thật, việc thật, đòi hỏi sự trung thực, chính xác.  B. Xây dựng nhân vật sắc nét, ngòi bút miêu tả tâm lý nhân vật tinh tế.  C.Tác giả kí khéo léo sử dụng tư liệu đời sống kết hợp với tưởng tượng, cảm thụ, nhận xét, đánh giá,miêu tả khung cảnh, gợi không khí.  D. Bộc lộ rõ cái tôi của tác giả. | **Đáp án:**  1.D  2.B | Năng lực cảm thụ thẩm mỹ  Năng lực hợp tác, giao tiếp bằng tiếng Việt |

**\*Hoạt động 4: Vận dụng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **T.G** | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung bài giảng** | **Định hướng năng lực** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **4 phút** | **TT 6 :**  BT1: Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi bên dưới:  *“Cốm là thức quà đặc biệt riêng của đất nước, là thức dâng của những cánh đồng lúa bát ngát xanh, mang trong hương vị tất cả cái mộc mạc, giản dị và thanh khiết của đồng quê nội cỏ Việt Nam. Ai nghĩ đầu tiên dùng cốm để làm quà siêu tết? Không có gì hợp hơn với sự vương vít của tơ hồng, thức quà trong sạch, trung thành như các việc lễ nghi. Hồng cốm tốt đôi ... Và không bao giờ có hai màu lại hòa hợp hơn nữa: màu xanh tươi của cốm như ngọc thạch quý, màu đỏ thắm của hồng như ngọc lựu già. Một thứ thanh đạm, một thứ ngọt sắc, hai vị nâng đỡ nhau để hạnh phúc được lâu bền...”*  (Một thứ quà của lúa non: Cốm, trích Hà Nội băm sáu phố phường-Thạch Lam)   1. Xác định 01 phương thức biểu đạt chính trong đoạn văn trên và nêu tác dụng của nó? 2. Vì sao tác giả cho rằng “*Cốm là thức quà đặc biệt riêng của đất nước”*?   BT2:  GV cho đề bài tập. HS đã chuẩn bị trước ở nhà(GV giao việc). Lên trình bày trước lớp.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **T.G** | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung bài giảng** | **Định hướng năng lực** | | **2 phút** | **TT7: GV** Hướng dẫn học sinh tìm hiểu một số nội dung liên quan đến bài học | - Tìm đọc hai tác phẩm nguyên vẹn (không lược trích)  -Tìm đọc một số tài liệu:  +Nguyễn Tuân-tác giả và tác phẩm  +Tùy bút: Hà Nội ta đánh Mĩ giỏi; Cô Tô (Nguyễn Tuân)  +Bút kí: Rất nhiều ánh lửa, Ngôi sao trên đỉnh  Phu Văn Lâu (HPNT)  +Trang web: vanhay.edu.vn/ (Tham khảo các đề thi liên quan đến hai bài kí) | Năng lực tự học  Năng lực cảm thụ thẩm mỹ |   **VI. HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC (2 phút)**  - Nắm lại các kiến thức cơ bản: Nội dung, nghệ thuật hai bài kí; đặc trưng của thể kí...  - Hoàn thành các yêu cầu ở phần luyện tập, vận dụng, tìm tòi.  **-** Soạn bài mới: Chữa lỗi lập luận trong văn nghị luận.  Từ vẻ đẹp của sông Đà và sông Hương, viết đoạn văn ngắn bày tỏ suy nghĩ tình cảm của em đối với dòng sông quê hương, trách nhiệm của tuổi trẻ trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hôm nay ?  HS trình bày, GV nhận xét, cho điểm. | **1/ Gợi ý**  1.Phương thức biểu cảm. Tác dụng: miêu tả vẻ đẹp, đặc điểm của cốm Hà Nội  2. Vì trong cốm có những hương vị gợi vẻ đẹp của làng quê VN: lá sen, lúa non.  **2/Bài tập viết đoạn văn:**  Từ vẻ đẹp của sông Đà và sông Hương, viết đoạn văn ngắn bày tỏ suy nghĩ tình cảm của em đối với dòng sông quê hương, trách nhiệm của tuổi trẻ trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hôm nay ? | Năng lực giải quyết vấn đề trong cuộc sống  Năng lực tự học  Năng lực cảm thụ thẩm mỹ  Năng lực giao tiếp bằng tiếng Việt |

**\* Hoạt động 5: TÌM TÒI MỞ RỘNG**